

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUYÊN HÓA  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Thuận và bà Trần Thị Phúc Tuệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Thanh L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K2, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Kiều H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K2, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình

Địa chỉ chi nhánh: Số 368 đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Việt H – Chuyên viên phòng quản lý rủi ro (theo văn bản ủy quyền số 649/QĐ-BIDV.BQB ngày 22/6/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hùng C – Phó giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 04/NHCS-UQ ngày 04/01/2022), có mặt.

- Bà Phan Thị C

Địa chỉ: Thôn K2, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Thanh L trình bày: Anh và chị Phan Thị Kiều H có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã xảy ra Nền mâu thuẫn không thể tự giải quyết được. Hiện tại tình cảm vợ, chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Vì vậy anh mong muốn được ly hôn với chị H.

Quá trình chung sống anh và chị H có hai đứa con chung: Đinh Phan Yến N, sinh ngày 20/10/2002 và Đinh Phan Khánh L, sinh ngày 03/6/2004. Riêng đối với con Đinh Phan Tuệ V, sinh ngày 08/4/2019 mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân, nhưng theo kết quả giám định ADN, ngày 04/3/2021 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền chi nhánh phía Nam thì cháu V không có quan hệ huyết thống với anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trên cơ sở nguyện vọng của các con.

Về tài sản và công nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị H có tạo lập được khối tài sản bao gồm: Quyền sử dụng đất tại thôn K2, xã K, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, giấy chứng nhận mang tên vợ, chồng, có số thửa 110, tờ bản đồ số 17, diện tích 371,2 m<sup>2</sup> cùng tài sản gắn liền trên đất 01 ngôi nhà gỗ. Vợ, chồng có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11724174/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình, để vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng), quá trình vay đã trả được một khoản, hiện còn nợ 281.000.000 đ (hai trăm tám mươi một triệu đồng) cùng với tiền lãi phát sinh. Để đảm bảo cho khoản vay, vợ, chồng đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất mang tên vợ chồng để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11724174/HĐTC ngày 26/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/11724174/HĐTC, ngày 26/10/2018. Ngoài ra còn nợ của bà Phan Thị C (mẹ chị H) số tiền 70.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng) và nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuyên Hóa số tiền 22.000.000 đồng. Anh đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật và anh có nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản cho chị H trực tiếp quản lý, sử dụng đồng thời chị H phải có trách nhiệm trả tất cả các khoản nợ. Sau khi đối trừ khoản nợ, giá trị tài sản còn lại bao nhiêu sẽ chia đôi mỗi người hưởng 1/2.

Ý kiến trình bày của bị đơn chị Phan Thị Kiều H tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Chị đồng ý với ý kiến trình bày của anh L về các mối quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung của vợ chồng. Chị đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của anh L và có nguyện vọng được nuôi hai đứa con chung, yêu cầu anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Riêng đối với khoản nợ chung của vợ chồng, trong quá trình hòa giải, ngoài số nợ mà anh L kê khai, chị H còn nại thêm một số khoản nợ khác. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị H đã nhất trí với các khoản nợ mà anh L đã khai. Chị cũng có nguyện vọng được trực tiếp

quản lý sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất 01 ngôi nhà cấp 4 và chị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đại diện Ngân hàng B trình bày: Anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H có vay tại Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền 350.000.000 đồng, theo các Hợp đồng tín dụng được ký kết vào ngày 26/10/2018 và ngày 24/12/2019. Hiện tại khách hàng đã trả được một phần khoản nợ, dư nợ còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2022) là 305.244.136 đồng, trong đó: nợ gốc 270.000.000 đồng và nợ lãi 35.244.136 đồng. Vì khoản vay này có tài sản thế chấp là căn nhà và thửa đất tại xã K thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh L và chị H, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11724174/HĐTC ngày 26/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/11724174/HĐTC, ngày 26/10/2018. Nên yêu cầu anh L và chị H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng trước khi vợ, chồng ly hôn.

- Đại diện phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tuyên Hóa trình bày: Chị Phan Thị Kiều H có vay vốn tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Tuyên Hóa, hiện còn dư nợ số tiền 22.000.000 đồng, người thừa kế khoản vay là anh Đinh Thanh L. Đề nghị Tòa án thực hiện phân chia trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ khoản vay của chị H theo quy định của pháp luật.

- Bà Phan Thị C trình bày: Tháng 3 năm 2018 bà cho vợ chồng anh L và chị H mượn số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để cải tạo và sửa chữa nhà. Nay bà yêu cầu anh L, chị H trả cho bà toàn bộ số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh 20.000.000 đồng. Tổng toàn bộ là 70.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải, anh L và chị H không tự thỏa thuận được về giá trị tài sản. Theo yêu cầu của anh L, Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá tài sản và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối tài sản đang tranh chấp vào ngày 02/7/2021. Kết quả cụ thể:

\* Đối với quyền sử dụng đất:

Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 17 có tổng diện tích 371,2 m<sup>2</sup> (trong đó: 187,5 m<sup>2</sup> đất ở và 183,7 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm), có tứ cận tiếp giáp: Phía Tây Nam giáp đường giao thông, có chiều dài 14,89m; phía Tây Bắc giáp với thửa đất số 547, có chiều dài 23,96m; phía Đông Bắc giáp thửa đất số 108 có chiều dài lần lượt 7,37m và 7,26m; phía Đông Nam giáp với thửa đất số 547, có chiều dài lần lượt 3,32m và 22,51m. Thửa đất thuộc khu vực 3, vị trí 1. Theo quy định tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 – 2024, đất ở có giá 276.000đ/m<sup>2</sup> x 187,5m<sup>2</sup> = 51.750.000đ (năm mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Đất trồng cây hàng năm có giá 20.000đ/m<sup>2</sup> x 183,7m<sup>2</sup> = 3.674.000 (ba triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

\* Đối với tài sản gắn liền với đất:

- 01 ngôi nhà gỗ ba gian, diện tích 93,96m<sup>2</sup> x 3.100.000đ/m<sup>2</sup> = 291.276.000đ (hai trăm chín mươi một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Nhà một tầng lợp ngói, diện tích  $31,32m^2 \times 2.410.000đ/m^2 = 75.481.200đ$  (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng).

- Mái che phí trước và phía sau, có tổng diện tích  $146,52m^2 \times 361.000đ/m^2 = 52.893.720đ$  (năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Tổng trị giá tài sản quyền sử dụng đất, nhà ở và các công trình kiến trúc gắn liền trên đất là 475.074.920đ (bốn trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Anh L và chị H nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về tình cảm và con chung áp dụng các Điều 55; 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H; giao con chung Đinh Phan Khánh L, sinh ngày 03/6/2004 cho chị Phan Thị Kiều H chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Đinh Thanh L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Áp dụng Điều 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho chị Phan Thị Kiều H quản lý sử dụng toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản, công trình xây dựng gắn liền trên đất, tổng giá trị 475.074.920 đồng, đồng thời có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ 305.244.136 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình; trả nợ cho bà Phan Thị C số tiền 70.000.000 đồng; trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 22.000.000 đồng. Sau khi đối trừ các khoản nợ, số tiền còn lại chị H và anh L được hưởng mỗi người  $\frac{1}{2}$ . Và theo đó chị H phải có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch tài sản cho anh L. Đối với các khoản nợ mà chị H kê khai nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, tại phiên tòa chị H nhất trí đó là khoản nợ riêng của chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Buộc anh L và chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Phan Thị Kiều H, đây là tranh chấp về ly hôn. Chị Phan Thị Kiều H có hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện Tuyên Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Phan Thị C đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều

227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L và chị H cùng thống nhất vợ chồng không còn tình cảm nên thuận tình ly hôn là hoàn tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H.

Quan hệ con chung: Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân, anh L và chị H có ba người con, tuy nhiên vợ chồng cùng thống nhất thừa nhận con chung chỉ có hai đứa Đinh Phan Yên N và Đinh Phan Khánh L, đối với con Đinh Phan Tuệ V mặc dù sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng là con riêng của chị H, phù hợp với kết quả giám định AND. Hiện tại con Đinh Phan Yên N đã trên 18 tuổi có việc làm tự nuôi sống bản thân, riêng đối với con Đinh Phan Khánh Ly có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Đinh Phan Khánh L cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Quan hệ tài sản và nợ chung: Xét thấy tại phiên tòa anh L và chị H cùng thống nhất được khối tài sản chung và khoản nợ chung, nên xác định đó là tài sản và nợ chung mà vợ chồng được hưởng và có nghĩa vụ thanh toán.

Trên cơ sở kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, tình hình thực tế, nguyện vọng cũng như điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị H mong muốn được quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất và cũng phù hợp với ý kiến của anh L, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Do tài sản đã dùng để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, theo kết quả định giá có trị giá 475.074.920đ lớn hơn tổng số nợ 397.244.136 đồng mà vợ, chồng có nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy việc chị H và anh L thỏa thuận chị H sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Cụ thể: Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam 305.244.136 đồng; trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên T số tiền 22.000.000 đồng; trả nợ cho bà Phan Thị C số tiền 70.000.000 đồng và giao tiền chênh lệch cho anh Đinh Thanh L.

[3] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền 5.000.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 165 BLTTDS buộc anh L và chị H mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng. Vì anh L đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản nên chị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh L số tiền 2.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội để buộc anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H mỗi người phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản mà mỗi người được hưởng là  $475.074.920/2 = 237.537.460đ \times 5\% =$

11.876.873 đồng và án phí nghĩa vụ về tài sản chung là  $397.244.136/2 = 198.622.068đ \times 5\% = 9.931.103$  đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55; Điều 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 165; khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Đinh Phan Khánh L, sinh ngày 03/6/2004 cho chị Phan Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc anh Đinh Thanh L có trách Nệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Giao cho chị Phan Thị Kiều H quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 17 có tổng diện tích 371,2 m<sup>2</sup> (trong đó: 187,5 m<sup>2</sup> đất ở và 183,7 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm), tại thôn K 2, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, mang tên Đinh Thanh L và Phan Thị Kiều H, được Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CI980689, ngày 22/10/2018. Có tứ cận tiếp giáp: Phía Tây Nam giáp đường giao thông, có chiều dài 14,89m; phía Tây Bắc giáp với thửa đất số 547, có chiều dài 23,96m; phía Đông Bắc giáp thửa đất số 108 có chiều dài lần lượt 7,37m và 7,26m; phía Đông Nam giáp với thửa đất số 547, có chiều dài lần lượt 3,32m và 22,51m. Trị giá 55.424.000 (năm mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn đồng). Và các tài sản gắn liền trên đất gồm:

- 01 ngôi nhà gỗ ba gian, diện tích 93,96 m<sup>2</sup> x 3.100.000đ/m<sup>2</sup> = 291.276.000đ (hai trăm chín mươi một triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Nhà một tầng lợp ngói, diện tích 31,32 m<sup>2</sup> x 2.410.000đ/m<sup>2</sup> = 75.481.200đ (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng).

- Mái che phía trước và phía sau, có tổng diện tích 146,52 m<sup>2</sup> x 361.000đ/m<sup>2</sup> = 52.893.720đ (năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Chị Phan Thị Kiều H phải có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền 305.244.136đ (ba trăm linh năm triệu hai

trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc: 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2022) là 35.244.136đ (ba mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm ba mươi sáu đồng).

Trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng)

Trả nợ cho bà Phan Thị C số tiền 70.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2022) 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2022), chị Phan Thị Kiều H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11724174/HĐTD ngày 26/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp chị H không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bao gồm quyền sử dụng đất số thửa 110, tờ bản đồ số 17 có tổng diện tích 371,2 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại thôn Kim Lũ 2, xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, mang tên Đinh Thanh L và Phan Thị Kiều H, được Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI980689 ngày 22/10/2018, theo các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11724174/HĐTC ngày 26/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/11724174/HĐTC, ngày 26/10/2018, để đảm bảo thu hồi nợ.

Buộc chị Phan Thị Kiều H phải giao cho anh Đinh Thanh L tiền chênh lệch chia tài sản số tiền 38.915.392đ (ba mươi tám triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Buộc anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H mỗi người phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh L đã nộp tạm ứng 5.000.000đ (năm triệu đồng) nên được khấu trừ. Buộc chị Phan Thị Kiều H có nghĩa vụ trả lại cho anh Đinh Thanh L số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Anh Đinh Thanh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, theo biên lai số 0000044 ngày 16/3/2021.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Đinh Thanh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản có giá ngạch: Buộc anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H mỗi người phải chịu 11.876.873 đ (mười một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).

- Án phí nghĩa vụ về tài sản chung: Buộc anh Đinh Thanh L và chị Phan Thị Kiều H mỗi người phải chịu 9.931.103 đ (chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn một trăm L ba đồng).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/01/2022) đối với người có mặt hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Dương sự;
- UBND xã Kim Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Phạm Hữu Tình**